TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐL
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐL, TỈNH BINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Ông Phạm Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2022; về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2022; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số 28, đường số 1, tổ 2, thôn 1, xã ĐK, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn*: Anh Phạm T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số nhà 09, đường số 29, tổ 4, thôn 5, xã ĐK, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn - không có lý do chính đáng cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Chị Hoàng Thị H, anh Phạm T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại UBND xã ĐK, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn đời sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên ăn nhậu về kiếm chuyện, gây gỗ đánh đập chị H vô cớ. Bản thân chị H vì thương con và muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình nên đã Nều lần nhẫn nhịn, bỏ qua. Tuy Nên, anh T vẫn không thay đổi nên từ đó vợ chồng thiếu quan tâm, chia sẽ lẫn nhau, cuộc sống vô cùng bức bách, áp lực. Do không chịu được cảnh chồng bạo hành nên vào khoảng tháng 10/2021 chị H đã bỏ đi làm tại tỉnh Bình Dương cho đến nay, cũng kể từ đó vợ chồng sống ly thân và không còn ai quan tâm, chăm sóc gì nhau. Hiện nay chị H không còn tình cảm với anh T và không muốn tiếp tục chung sống với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Qúa trình chung sống chị H, anh T có ba con chung là Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày 08/3/2006; Phạm Ngọc K, sinh ngày 30/5/2008; Phạm Ngọc H1, sinh ngày 28/01/2016. Hiện các con đang ở với anh T và ông bà nội tại thôn 5, xã ĐK, huyện ĐL. Khi ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm T:

Trong quá trình chuẩn bị xét xử mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia, không có ý kiến gửi Tòa án, do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại biên bản xác minh ngày 28/4/2022 bút lục số 24 thể hiện:

Chị Hoàng Thị H, anh Phạm T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị H, anh T sinh sống tại số nhà 09, đường 29, tổ 4, thôn 5, xã ĐK, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận

và có ba người con chung Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày 08/3/2006; Phạm Ngọc K, sinh ngày 30/5/2008; Phạm Ngọc H1, sinh ngày 28/01/2016, đời sống vợ chồng hạnh phúc.

Vào khoảng năm 2017, 2018 chị H có biểu hiện quan hệ không đúng đắn với người khác nên vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vả, ghen tuông, nghi ngờ nhau. Năm 2019 chị H bỏ đi từ đó vợ chồng sống ly thân và không còn liên lạc với nhau, thỉnh thoảng chị H có về thăm các con. Các con chung hiện do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Bản thân anh T không có nghề nghiệp gì, anh T có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không tham gia do không muốn ly hôn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị H được ly hôn với anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Phạm T có nơi thường trú tại thôn 5, xã ĐK, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Hoàng Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm T nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã triệu tập hợp lê đến lần thứ hai nhưng vắng mặt bị đơn anh Phạm T không có lý do chính đáng, cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt nguyên đơn chị Hoàng Thị H nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hoàng Thị H, anh Phạm T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 20 tháng 12 năm 2004, số vào sổ 121, quyển số 01/2004 tại Ủy ban nhân dân xã ĐK, huyện ĐL đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị H, anh T chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình làm ăn sinh sống vợ chồng thiếu tin tưởng, quan tâm, chia sẽ với nhau nên vợ chồng ly thân. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị H không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Bản thân anh T trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều không tham gia, cũng không có ý kiến gửi Tòa án, để Tòa án hòa giải đoàn tụ. Điều đó, thể hiện tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh T đã kéo dài, hạnh phúc không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Qúa trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không tranh chấp và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không tranh chấp và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Cần buộc chị H phải chịu án phí ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hòang Thị H được ly hôn với anh Phạm T.

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 20 tháng 12 năm 2004, số vào sổ 121, quyển số 01/2004 tại Ủy ban nhân dân xã ĐK, huyện ĐL hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về án phí:* Chị Hoàng Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009300, ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐL. Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện ĐL;
- UBND xã ĐK, huyện ĐL;
- C.C Thi hành án DS.h. ĐL;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Trường